

Bản án số: 242/2021/DSPT

Ngày: 08-12-2021

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản;
yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**.

Các Thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**.

Ông **Mai Xuân Thành**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Nhật** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08-12-2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2020/TLPT-DS ngày 27-10-2020 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 15-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 547./2021/QĐXX-PT ngày 08-11-2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Cao Như Y**; địa chỉ cư trú: tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền ngày 20-9-2019), ông Y có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H** (H); địa chỉ: USA, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Nguyễn Phúc T** - Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị C**; địa chỉ cư trú: tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Bà **Nguyễn Thị O**; địa chỉ cư trú: tỉnh Đồng Nai (Giấy ủy quyền ngày 05-6-2020), bà O vắng mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị H**; địa chỉ cư trú: tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông **Cao Như Y**; địa chỉ cư trú: tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền ngày 16-9-2019), ông Y có mặt tại phiên tòa.

3. Ông Nguyễn Quang M (M Quang Nguyên); địa chỉ: USA, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: A Nguyễn Đức T; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã Cam Bắc, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (Hợp đồng ủy quyền số 859 quyền số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22-02-2019), anh T vắng mặt.

4. Bà Trần Thị M; địa chỉ cư trú: huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

5. Ông Trần Văn N; địa chỉ cư trú: xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông **Cao Như Y**, địa chỉ cư trú: tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền ngày 20-9-2019), ông Y có mặt tại phiên tòa.

5. Bà Bùi Thị P; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

6. Ông Trần Trung Q; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

7. Ông Trần T A; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

8. Ông Trần Văn N; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

9. Bà Trần Thị Y N; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

10. Ông Bùi Trọng H; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

11. Bà Dương Thị Thùy T; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

12. Ông Dương K; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

13. Bà Nguyễn Thị V; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị Thùy T và ông Dương K: Luật sư **Nguyễn Phúc T** - Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Cha, mẹ bà Nguyễn Thị C là cụ Nguyễn Quang D (chết năm 1961, tại Quảng Trị) và cụ Nguyễn Thị D có 06 người con là: **(1)** bà Nguyễn Thị C, **(2)** bà Nguyễn Thị T, **(3)** bà Nguyễn Thị H, **(4)** bà Nguyễn Thị C, **(5)** ông Nguyễn Quang M và **(6)** bà Nguyễn Thị H.

Bà Nguyễn Thị T (chết năm 2018), có chồng là ông Trần Văn L (chết trước giải phóng) và 03 người con là **(1)** Trần Thị M, **(2)** Trần Văn N và **(3)** Trần Văn P. Ông P

chết năm 2018, có vợ là Bùi Thị P và 04 (bốn) người con là: (1) Trần T A, (2) Trần Trung Q, (3) Trần Văn N và (4) Trần Thị Y N.

Ngày 06-7-1997, cụ Nguyễn Thị D được UBND huyện Cam Ranh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ 00095 QSDĐ/CAB-CR đối với diện tích 1.625 m² đất tại thửa đất số 16, tờ bản đồ 05, thuộc Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Năm 2005, cụ D chết, không để lại di chúc.

Sau khi cụ Nguyễn Thị D chết, bà Nguyễn Thị H cùng vợ chồng con gái là bà Dương Thị Thùy T và con rể là ông Bùi Trọng H tạm thời quản lý, sử dụng khối tài sản trên. Sau đó, bà H qua M định cư, con gái là bà T và con rể là ông H tiếp tục quản lý tài sản này.

Năm 2017, các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thị D tiến hành họp bàn về việc phân chia di sản của cụ D. Tại cuộc họp, các đồng thừa kế đã yêu cầu bà T, ông H bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) đã cấp cho cụ Nguyễn Thị D, nhưng vợ chồng bà T nói đã bị thất lạc, do đó bà Nguyễn Thị C làm đơn xin trích lục lại Giấy CNQSDĐ của cụ D. Cùng thời điểm này, các đồng thừa kế mới phát hiện ra vợ chồng bà T đang xây dựng ngôi nhà kiên cố trên đất của cụ D. Bà Nguyễn Thị C và các anh chị em đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T chấm dứt việc xây dựng nhưng không được, nên bà C khiếu nại lên Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã C, huyện C để nhờ chính quyền can thiệp. Tại buổi hòa giải ngày 27-3-2019, bà C và các anh chị em mới biết trước đây bà Nguyễn Thị H đã tự ý bán nhà và đất của cụ Nguyễn Thị D cho vợ chồng bà T và ông Dương K (em chồng bà H), cụ thể: Ngày 10-02-1996, bà H lập Giấy sang nhượng đất cho vợ chồng bà T diện tích 500 m², với giá 10.000.000 đồng. Năm 1998, bà H lập Giấy bán căn nhà trên diện tích 450 m² đất cho ông Dương K với giá 3 cây vàng (đến năm 2000, bà H viết lại Giấy sang nhượng một phần đất thổ cư cho ông Dương K). Việc bà Nguyễn Thị H tự ý bán nhà, đất của cụ D khi chưa được phân chia là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác. Do đó, bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D đối với thửa đất nêu trên.

- Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị H với bà Dương Thị Thùy T và ông Bùi Trọng H và Hợp đồng mua bán nhà giữa bà Nguyễn Thị H với ông Dương K vô hiệu.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị Thùy T và Bùi Trọng H trình bày:

Năm 1996, vợ chồng ông, bà mua lô đất diện tích 500 m² (ngang 10 m, dài 50 m) của cụ Nguyễn Thị D, tại thôn T, xã C, huyện Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa (nay là huyện C), do bà Nguyễn Thị H đứng đơn bán để có tiền xây dựng, nâng cấp nhà cũ đã xuống cấp, việc mua bán có bà Nguyễn Thị T (là con cụ D) và ông Dương K làm chứng. Thời điểm đó cụ Nguyễn Thị D còn sống (cụ D chết năm 2005), nhưng vì cụ D đã già và không biết chữ, nên bà H và bà T (là con của cụ D) đứng tên bán. Trong lúc mua bán, cụ D có giao cho vợ chồng ông, bà 01 Giấy CNQSDĐ đối với lô đất trên, cùng hộ khẩu của bà H để vợ chồng ông, bà tiện việc tách sổ sau này. Sau khi

nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông, bà đã nhiều lần xây dựng và sửa chữa nhà nhưng các con của cụ D không ai có ý kiến gì. Quá trình sử dụng vợ chồng bà có đóng thuế xây dựng cho UBND xã. Do xác định mua đất làm nhà để ở, không phải mua đi bán lại và do nhận thức còn hạn chế, nên vợ chồng ông bà chưa hoàn thành thủ tục giấy tờ. Hiện nay, giấy tờ đất vẫn đang đứng tên hộ cụ Nguyễn Thị D.

Nay, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, vì việc mua bán đất của ông, bà dù chỉ bằng giấy tay nhưng các con của cụ D đều biết và gia đình ông, bà đã xây dựng nhà ở trên đất từ năm 1996 đến nay, nhưng không ai có ý kiến gì.

2. Ông Dương K trình bày:

Phần đất ông đang ở hiện nay tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị D (cụ D chết năm 2005), cụ thể: Năm 1998, khi còn sống, cụ D có nói với ông sẽ bán cho ông một phần đất gia cư (gồm một căn nhà, phần mái gỗ và tôn đã cũ). Tuy nhiên, thời điểm này, cụ D đã già yếu, lại không biết chữ nên cụ D nói việc mua bán đất giao cho bà Nguyễn Thị H (con gái của cụ D) thỏa thuận với ông.

Do đó, ngày 04-10-1998, bà Nguyễn Thị H viết giấy bán cho ông phần đất có diện tích khoảng 450 m², tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 05, địa chỉ xã C, huyện Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa (nay là thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa) với giá tiền là 30 chỉ vàng y. Bà H nói đã giao Giấy CNQSDĐ cho ông Bùi Trọng H (là con rể bà H), vì vậy ông và ông H sẽ kết hợp với nhau khi làm giấy tờ.

Đến năm 2000, vì Giấy bán đất viết năm 1998 đã cũ, nên bà H viết lại cho ông một tờ giấy mới. “Giấy sang nhượng một phần đất thổ cư” mà bà H viết cho ông vào ngày 10-7-2000, có nội dung giữ nguyên như Giấy bán đất năm 1998, có chữ ký xác nhận của ông K, bà H và 02 người làm chứng.

Sau khi ông giao đủ tiền vàng mua đất cho bà Nguyễn Thị H, gia đình ông đã xây nhà và ở ổn định trên phần đất này từ năm 1998 đến nay. Quá trình sử dụng ông có kê khai và đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì ông ở trên đất là có sự đồng ý của cụ Nguyễn Thị D. Quá trình ở đó, ông xây dựng, sửa chữa nhà cửa nhưng các con của cụ D không ai có ý kiến gì. Ông đề nghị Tòa án công nhận cho ông được quyền sử dụng phần diện tích đất đã mua tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 05 tại thôn T, xã C, huyện C mà bà Nguyễn Thị H đã bán cho ông.

(Mặc dù, đã được triệu tập hợp lệ, nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác gồm bà Bùi Thị P, ông Trần T A, ông Trần Trung Q, ông Trần Văn N, bà Trần Thị Y N, bà Trần Thị M và bà Nguyễn Thị V không có mặt, không trả lời Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/SD-ST ngày 15-6-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

Căn cứ Điều 34, khoản 5 và khoản 11 Điều 26, các Điều 37, 227, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 623, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

1. Xác định “Giấy sang nhượng đất” ngày 10-2-1996, giữa bà Nguyễn Thị H với ông Bùi Trọng H và “Giấy sang nhượng một phần đất thổ cư” giữa bà Nguyễn Thị H với ông Dương K năm 2000 không bị vô hiệu.

2. Tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D là số tiền 559.680.000 đồng.

3. Những người thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị D theo pháp luật là bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị C mỗi người được hưởng một kỷ phần với số tiền là 93.280.000 đồng (chín mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

4. Nhận hiện vật:

Bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 2, có diện tích là 559.2 m² và sở hữu tài sản trên đất theo mảnh trích đo địa chính số 15-2020 hệ tọa độ VN 2000, thôn T - tờ số 20 (329593 1 B) đo đạc hiện trạng thửa đất số 28, có tổng diện tích 1.626.8 m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

5. Nghĩa vụ thanh toán:

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Quang M và bà Nguyễn Thị C mỗi người số tiền 93.280.000 đồng (chín mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn N và bà Trần Thị M mỗi người số tiền 31.093.000 đồng (ba một triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị P, ông Trần T A, ông Trần Trung Q, ông Trần Văn N và bà Trần Thị Y N (05 người) số tiền 31.093.000 đồng (ba một triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19-6-2020, bà Nguyễn Thị H kháng cáo, đề nghị hủy phần phân chia di sản thừa kế.

- Ngày 22-6-2020, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án.

- Tại “Đơn kháng cáo” không đề ngày, ghi tháng 6-2020, bà Nguyễn Thị C kháng cáo toàn bộ bản án.

- Tại “Đơn kháng cáo” không đề ngày, ghi tháng 6-2020, bà Nguyễn Thị C kháng cáo toàn bộ bản án.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 152/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29-6-2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Do không đồng với quyết định của bản án sơ thẩm, nên các đương sự kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa kháng nghị bản án. Đơn kháng cáo của các đương sự và quyết định kháng nghị phúc thẩm là trong thời hạn quy định tại Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị C) và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị H) giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tuyên Giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị H với ông Bùi Trọng H, bà Dương Thị Thùy T, theo “Giấy sang nhượng đất” ngày 10-02-1996 và Giao dịch chuyển nhượng nhà, đất giữa bà Nguyễn Thị H với ông Dương K, theo “Giấy sang nhượng một phần đất thổ cư” ngày 10-7-2000 vô hiệu; đồng thời, buộc ông H, bà T và ông K phải trả lại đất là di sản của cụ Nguyễn Thị D để phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Bị đơn (bà Nguyễn Thị H) xin rút kháng cáo, có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại theo theo tục sơ thẩm. Do đề nghị hủy án, nên kháng cáo của các đương sự được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1]. Về việc rút kháng cáo:

Sau khi hoãn phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai, bị đơn bà Nguyễn Thị H rút kháng cáo. Xét thấy, đơn xin rút kháng cáo của bà Nguyễn Thị H là tự nguyện, do đó căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

[2.2]. Về việc vắng mặt của người kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị C kháng cáo và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị O tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm. Bà O đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập (theo xác nhận của Bru điện thì bà O nhận được giấy triệu tập ngày 23-11-2021), nhưng không có mặt tại phiên tòa hoặc có ý kiến về việc vắng mặt. Như vậy, đây được coi như từ bỏ kháng cáo, do đó căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

[2.3]. Về việc vắng mặt của đương sự:

Ông Bùi Trọng H có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Bùi Thị P, ông Trần T A, ông Trần Trung Q, ông Trần Văn N, bà Trần Thị Y N và bà Nguyễn Thị V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4]. Về thời hiệu khởi kiện:

Cụ Nguyễn Thị D sinh năm 1908, chết năm 2005. Ngày 25-6-2019, bà Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện đối với tài

sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D vẫn còn, nên thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 623 và điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.5]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật phải giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Thị D là 1.625 m², tại thửa đất số 16, tờ bản đồ 05, thuộc thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành L 390123, số vào sổ cấp GCN 00095 QSDĐ/CAB-CR ngày 06-9-1997); yêu cầu hủy “Giấy sang nhượng đất” ngày 10-02-1996, giữa bà Nguyễn Thị H với ông Bùi Trọng H và “Giấy sang nhượng một phần đất thổ cư” ngày 10-7-2000, giữa bà Nguyễn Thị H và ông Dương K. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý giải, quyết là đúng quy định tại khoản 5 và khoản 11 Điều 26 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp tài sản thừa kế” là chưa đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu”.

[2.6]. Về yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu:

Các đương sự đều thừa nhận diện tích 1.625 m² đất tại thửa số 16, tờ bản đồ 05, thuộc thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành L 390123, số vào sổ cấp GCN 00095 QSDĐ/CAB-CR vào sổ 00095 QSDĐ/CAB-CR ngày 06-9-1997) là của cụ Nguyễn Thị D. Theo tài liệu do C nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C cung cấp, thì cụ D kê khai đăng ký quyền sử dụng đất ngày 20-01-1997, với diện tích đất 1.625 m², trong đó có 200 m² đất thổ và 1.425 m² đất quả; nguồn gốc thửa đất là do khai phá từ năm 1973, thời điểm này cụ D kê khai hộ của cụ có 02 khẩu (Nguyễn Thị D và Nguyễn Quang M) là phù hợp với Công văn trả lời số 13/VB ngày 02-3-2020 của Công an xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Khi còn sống, cụ Nguyễn Thị D ở cùng với bà Nguyễn Thị H trên diện tích đất được cấp nêu trên. Năm 1996 và năm 1998, được sự đồng ý của cụ D, bà H chuyển nhượng một phần đất của cụ D cho ông Bùi Trọng H và ông Dương K. Ông H và ông K xây nhà và sinh sống tại đó và cụ D không có ý kiến gì. Tại thời điểm chuyển nhượng (năm 1996), cụ D tuổi đã cao, không biết chữ, nên con của cụ D là bà Nguyễn Thị T đã ký vào Giấy chuyển nhượng đất cho ông Bùi Trọng H; bà Nguyễn Thị C ở cùng địa phương cũng không có ý kiến gì về việc ông H, ông K nhận chuyển nhượng, sau đó xây nhà và ở trên thửa đất của cụ D; đồng thời, bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cụ D, nên số tiền vàng nhận được do chuyển nhượng đất, bà H sử dụng vào mục đích chung là nuôi dưỡng cụ D, sửa chữa nhà cửa và lo tang lễ, mồ mả cho cụ D sau này. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa “*Xác định Giấy sang nhượng đất ngày 10-02-1996 giữa bà Nguyễn Thị H với ông Bùi Trọng H và Giấy sang nhượng một phần đất thổ cư ngày 10-7-2000 giữa bà Nguyễn Thị H với ông Dương K không bị vô hiệu*” là đúng hướng dẫn tại điểm b.3 điểm b tiêu mục 2.2 mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NĐ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Án lệ số 16/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14-12-2017.

Như vậy, diện tích đất của cụ Nguyễn Thị D đã được định đoạt trước khi cụ D chết (ông Dương K đang quản lý, sử dụng 495 m², ông Bùi Trọng H đang quản lý,

sử dụng 572 m²), nên không phải là di sản thừa kế của cụ D, nên không được xem xét trong vụ án này.

[2.7]. Về yêu cầu chia tài sản thừa kế:

[2.7.1]. Về di sản thừa kế:

Do có cơ sở để xác định phần diện tích đất còn lại là 559.2 m², trên đất có 03 căn nhà cấp 4 (ký hiệu số 3 trên Sơ đồ bản vẽ) của cụ Nguyễn Thị D, hiện nay do bà Dương Thị Thùy T (con bà H và là cháu ngoại cụ D) quản lý, sử dụng là di sản thừa kế của cụ D, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xác định hàng thừa kế và chia di sản thừa kế này theo quy định của pháp luật.

[2.7.2]. Về hàng thừa kế:

Cụ Nguyễn Thị D chết không để lại di chúc. Bà Nguyễn Thị C và những người con của cụ D không có giấy khai sinh để xác định quan hệ huyết thống với cụ D, nhưng được Công an địa phương xác nhận và tại phiên tòa sơ thẩm chị Dương Thị Thùy T xác nhận cụ D có 06 người con là (1) bà Nguyễn Thị C, (2) bà Nguyễn Thị T, (3) bà Nguyễn Thị H, (4) bà Nguyễn Thị C, (5) ông Nguyễn Quang M và (6) bà Nguyễn Thị H. Do đó, theo quy định của pháp luật thì 06 người con này là hàng thừa kế thứ nhất, được hưởng di sản của cụ D.

- Bà Nguyễn Thị T chết năm 2018, có chồng là ông Trần Văn L (chết trước giải phóng) và 03 người con là Trần Thị M, Trần Văn N và Trần Văn P, nên ba người con này là thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị T.

- Ông Trần Văn P chết năm 2018, có vợ là Bùi Thị P và 04 con là: Trần T A, Trần Trung Q, Trần Văn N và Trần Thị Y N, nên vợ và 04 người con là người thừa kế thế vị của ông P.

[2.7.3]. Về giá trị di sản thừa kế:

Theo mảnh trích đo địa chính số 15-2020, hệ tọa độ VN 2000, thôn T - Tờ số 20 (329593 1 B), đo đạc hiện trạng thửa đất số 28, có tổng diện tích là 1.626,8 m² có sự chênh lệch không đáng kể so với diện tích đất cụ D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, ông Dương K đang quản lý, sử dụng 495 m², ông Bùi Trọng H đang quản lý, sử dụng 572 m² (diện tích đất này đã được định đoạt khi cụ D còn sống, nên không phải là di sản thừa kế); còn lại bà Dương Thị Thùy T đang quản lý thay cho bà Nguyễn Thị H 559.2 m². Như vậy, di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D là diện tích 559.2 m² đất, trong đó có 65 m² là đất ở.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 24-3-2020, thì diện tích 65 m² đất ở có giá 65 m² x 390.000 đồng = 25.350.000 đồng; còn lại là đất trồng cây lâu năm có giá 195.000 đồng x 494.2 m² = 96.369.000 đồng. Tổng giá trị đất là: 25.350.000 đồng + 96.369.000 đồng = 121.719.000 đồng.

Giá trị nhà: Trên đất có 3 căn nhà cấp 4; nhà ký hiệu G1 có diện tích 35.5 m² x 2.112.610 đồng = 74.997.000 đồng; nhà ký hiệu G2 có diện tích 34.7 m² x 754.000 đồng = 26.163.000 đồng và nhà ký hiệu G3 có diện tích 76.9 m² x 2.576.360 đồng = 198.122.000 đồng. Có hai nhà tạm, nhà ký hiệu T1 có diện tích 57.6 m² x 2.210.895 đồng = 127.347.552 đồng; nhà ký hiệu T2 có diện tích 7.1 m² x 1.596.000 đồng = 11.331.600 đồng. Tổng giá trị nhà là: 74.997.000 đồng + 26.163.000 đồng + 198.122.000 đồng + 127.347.552 đồng + 11.331.600 đồng = 437.961.000 đồng. Tổng giá trị nhà và đất là 121.719.000 đồng + 437.961.000 đồng = **559.680.000 đồng**.

[2.7.4]. Về chia di sản thừa kế:

- Kỳ phần thừa kế của một người đối với di sản của cụ Nguyễn Thị D là 559.680.000 đồng : 6 = **93.280.000 đồng**.

Trong các thừa kế của cụ Nguyễn Thị D, thì bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị C đều lấy chồng và sinh sống ở Vũng Tàu và Đồng Nai, đều có nhà đất ở những nơi này, nên không có nhu cầu về nhà ở. Bà Nguyễn Thị C có nhà và sinh sống cùng địa phương, nơi có di sản thừa kế. Người có nhu cầu về nhà ở là bà Nguyễn Thị H, bởi lẽ bà H sang Hoa Kỳ thăm và ở với các con, mỗi người một thời gian rồi quay về Việt N để sinh sống khi tuổi già, nên việc giao cho bà H nhận di sản thừa kế bằng hiện vật là thỏa đáng. Ngoài ra, khi chia di sản thừa kế của cụ D, lẽ ra bà H còn được xem xét để được nhận một kỳ phần do đã có công quản lý, giữ gìn, tôn tạo tài sản, công sức phụng dưỡng cụ D, nhưng xét thấy, trong quá trình ở với cụ D, bà H đã chuyển nhượng một phần đất của cụ D để nuôi dưỡng cụ D và sửa chữa nhà cửa, nên bà H không được hưởng phần này.

Do bà Nguyễn Thị H được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, nên bà H phải thanh toán cho các đồng thừa kế là bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Quang M và bà Nguyễn Thị H mỗi người một kỳ phần được tính thành tiền là 93.280.000 đồng; thanh toán cho bà Trần Thị M, ông Trần Văn N (là người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị T) mỗi người 31.093.000 đồng và thanh toán cho bà Bùi Thị P, ông Trần T A, ông Trần Trung Q, ông Trần Văn N và bà Trần Thị Y N (là người thừa kế thế vị của ông Trần Văn P) số tiền 31.093.000 đồng.

Như vậy, các nội dung kháng cáo của các đương sự đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

[3.1]. Về việc xác định người tham gia tố tụng:

Bà Nguyễn Thị V và chị Dương Thị Minh Y là con ông Dương K. Cả gia đình ông K đang sinh sống trên thửa đất tranh chấp, nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa chỉ xác định ông K và bà V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, mà không đưa chị Dương Thị Minh Y tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên, do có cơ sở để xác định diện tích đất mà gia đình ông K đang sinh sống không phải là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D, nên thiếu sót này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[3.2]. Về địa chỉ của bị đơn:

Bà Nguyễn Thị C cung cấp địa chỉ của bà Nguyễn Thị H ở Hoa Kỳ, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện việc ủy thác tới địa chỉ do bà C cung cấp và đã nhận được kết quả ủy thác. Bà Nguyễn Thị H là bị đơn, có con là Dương Thị Thùy T (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) đã trình bày là bà H đang ở với con tại Hoa Kỳ, bà H có nhiều con nên khi ở với con này khi ở với con khác và bà H chỉ liên lạc bằng điện thoại. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện việc ủy thác, nhưng không có kết quả nên căn cứ vào Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06-4-2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06-4-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H là đúng pháp luật.

[3.3]. Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Khi còn sống, cụ Nguyễn Thị D ở cùng với bà Nguyễn Thị H và đến năm 1996 và năm 1998, được sự đồng ý của cụ D, bà H chuyển nhượng một phần đất của cụ D cho ông Bùi Trọng H và ông Dương K, có con của cụ D là bà Nguyễn Thị T ký vào “Giấy chuyển nhượng đất”. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông H và ông K về xây nhà và ở đó cho đến ngày cụ D chết, cụ D không có ý kiến gì. Bà Nguyễn Thị C ở cùng địa phương, biết việc bà H chuyển nhượng đất và khi ông H và ông K xây nhà và ở trên đất của cụ D cũng không có ý kiến gì. Ngoài ra, việc chuyển nhượng đất do bà Nguyễn Thị H thực hiện từ năm 1996, số tiền vàng nhận được do chuyển nhượng đất, bà H sử dụng vào mục đích chung là nuôi dưỡng cụ D và sửa chữa nhà cửa và sau này lo tang lễ, mồ mả cho cụ D. Do đó, theo hướng dẫn tại điểm b.3 điểm b tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NĐ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Án lệ số 16/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14-12-2017, thì giao dịch giữa bà Nguyễn Thị H với ông Bùi Trọng H và ông Dương K không coi là vô hiệu và được Tòa án công nhận.

[3.4]. Về việc chia di sản thừa kế:

Phần di sản của cụ Nguyễn Thị D là thửa đất số 2, có diện tích đất là 559.2 m², trên đất có 3 căn nhà cấp 4. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, trong các thừa kế của cụ Nguyễn Thị D, thì các bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị C đều lấy chồng và sinh sống ở Vũng Tàu và Đồng Nai, không có nhu cầu về nhà ở; bà Nguyễn Thị C có nhà và sinh sống cùng địa phương. Người có nhu cầu về nhà ở là bà Nguyễn Thị H, bởi lẽ bà H sang Hoa Kỳ thăm và ở với các con, mỗi người một thời gian rồi quay về Việt N để sinh sống khi tuổi già, nên việc giao cho bà H nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và buộc bà H thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế là phù hợp, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác.

Như vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác được thực hiện theo quyết định của bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 289, khoản 3 Điều 296 và Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bà Nguyễn Thị C và Nguyễn Thị H.

- Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 152/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29-6-2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 15-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

3. Căn cứ Điều 623, Điều 650 và Điều 651, 652, điểm d khoản 1 Điều 688, của Bộ luật Dân sự năm 2015, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

3.1. Xác định “Giấy sang nhượng đất” ngày 10-02-1996 giữa bà Nguyễn Thị H với ông Bùi Trọng H và “Giấy sang nhượng một phần đất thổ cư” ngày 10-7-2000, giữa bà Nguyễn Thị H với ông Dương K không bị vô hiệu.

3.2. Về di sản thừa kế:

Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D là diện tích 559.2 m² đất, trong đó có 65 m² đất ở và 494.2 m² đất trồng cây lâu năm; trên đất có 03 căn nhà cấp 4, có giá trị là 559.680.000 đồng.

3.3. Về hàng thừa kế:

Người thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Thị D là (1) bà Nguyễn Thị C, (2) bà Nguyễn Thị T, (3) bà Nguyễn Thị H, (4) bà Nguyễn Thị C, (5) ông Nguyễn Quang M và (6) bà Nguyễn Thị H, mỗi người được hưởng một kỷ phần là số tiền 93.280.000 đồng (chín mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

3.4. Về chia thừa kế:

- Bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng thửa số 2 có diện tích đất là 559.2 m² và sở hữu tài sản trên đất, theo mảnh trích đo địa chính số 15-2020, hệ tọa độ VN 2000, thôn T - tờ số 20 (329593 1 B), đo đạc hiện trạng thửa đất số 28, có tổng diện tích là 1.626.8 m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

- Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Quang M và bà Nguyễn Thị C mỗi người số tiền 93.280.000 đồng (chín mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn N và bà Trần Thị M mỗi người số tiền 31.093.000 đồng (ba một triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị P, ông Trần T A, ông Trần Trung Q, ông Trần Văn N và bà Trần Thị Y N (05 người) số tiền 31.093.000 đồng (ba một triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

4. Về án phí dân sự:

4.1. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị C mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số

tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), lần lượt theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001288, số 0001289 và số 0001290, cùng ngày 03-8-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa, nay được chuyển thành án phí; bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001291 ngày 04-8-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (do ông Bùi Trọng H nộp thay), nay được chuyển thành án phí; bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng được thực hiện theo quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 15-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường